

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19-12 - 2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Yào Bkrông, ông Y Nik Êban

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025 tại hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST – HNGĐ ngày 09/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phương Văn P sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà La Thị T, sinh năm 2002. Nơi thường trú: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà La Thị T: Luật sư Lê Trọng C thuộc văn phòng luật sư L – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 29/9/2025, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phương Văn P trình bày:*

Ông P và bà La Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2022 tại UBND xã CuElang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thương xuyên cãi vã. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đã được 02 bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 6/2025 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy, ông P yêu cầu Toà án giải quyết cho ông P được ly hôn bà La Thị T.

Về con chung: Ông Phương Văn P và bà La Thị T có 01 con chung là Phương Quỳnh N, sinh ngày 03/7/2022. Từ khi 02 vợ chồng sống ly thân, ông P là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, còn từ tháng 8/2025 đến nay do ông P và bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Sau ly hôn, ông P có nguyện vọng giao được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông P hiện nay làm nghề nhôm kính và làm nông, thu nhập trung bình khoảng 18.000.000 đồng/tháng. Hiện nay, ông P đang chung với bố mẹ ruột, chưa có nhà riêng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông P không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà La Thị T trình bày:**

Ông P và bà La Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2022 tại UBND xã CưElang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông P không quan tâm, chăm sóc bà T nên thường xuyên cãi vã. Đã được 02 bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 9/2025 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa, ông P yêu cầu ly hôn, bà T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Phương Văn P và bà La Thị T có 01 con chung là Phương Quỳnh N, sinh ngày 03/7/2022. Con chung hiện nay đang do bà T và ông P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ tháng 8/2025 cho đến nay. Sau ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

Trước đây bà T làm công nhân nhưng hiện nay đã nghỉ việc tại công ty. Từ tháng 9/2025 cho đến nay bà La Thị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn 6D, xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk và làm nông tại nhà bố mẹ đẻ mỗi năm thu nhập khoảng 120.000.000 đồng/năm, chưa có nhà riêng đang ở chung với bố mẹ ruột.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn bà La Thị T trình bày:** Bà T đồng ý với ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bà T không bổ sung gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk quyết định đưa vụ án ra xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Phương Văn P và bà La Thị T.

Về con chung: Giao con chung Phương Quỳnh N, sinh ngày 03/7/2022 cho ông Phương Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phương Văn P không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phương Văn P khởi kiện yêu cầu ly hôn bà La Thị T và giải quyết về con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, đây là yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk.

[2] Về hôn nhân: Ông Phương Văn P và bà La Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2022 tại UBND xã CưElang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi

kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đã được 02 bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ giữa năm 2025 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần động viên ông P về đoàn tụ cùng bà T nhưng không thành, ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn bà La Thị T. Bà T cũng đồng ý ly hôn ông Phương Văn P do tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Phương Văn P và bà La Thị T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả ông P và bà T đều đồng ý ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Phương Văn P và bà La Thị T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông P và bà T có 01 con chung là Phương Quỳnh N, sinh ngày 03/7/2022. Sau ly hôn, ông P và bà T đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Xét thấy, việc giao con chung cho ông P hoặc bà T trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên nhằm đảm bảo về vật chất và tinh thần, cũng như sự phát triển toàn diện cho con chung như: có nơi ở ổn định, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định để đảm bảo vật chất cho con cũng như thời gian chăm sóc con, giáo dục con để đảm bảo về tinh thần cho con.

Ông P và bà T hiện nay đều đang ở cùng gia đình bố mẹ ruột, chưa có nhà riêng. Sau khi ông bà ly thân, ông P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nhưng từ tháng 8/2025 đến nay cả 02 ông bà đều trực tiếp chăm sóc con chung về mọi mặt. Bà T cho rằng, hiện nay bà T đang làm nông cho bố mẹ và có có xác nhận của Ban tự quản thôn 4D Cư Elang, xã Ea Ô với thu nhập bình quân là 120.000.000/năm. Tuy nhiên, bà T trước đây ở chung với ông P tại thôn 4 Cư Elang, xã Ea Ô, sau khi vợ chồng sống ly thân, từ tháng 9/2025 bà T mới về nhà bố mẹ để ở và làm nông tại đây nên việc bà T trình bày hiện nay bà T làm nông cùng bố mẹ để ở và có thu nhập khoảng 120.000.000/năm là không có căn cứ. Đồng thời, việc xác nhận của Ban tự quản thôn 6D, xã Ea Ô không có xác nhận của UBND xã Ea Ô nên không có căn cứ để chấp nhận. Ngoài lời trình bày của bà T thì không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, có đủ cơ sở để xác định hiện nay bà T không có nghề nghiệp ổn định nên không có thu nhập ổn định để đảm bảo vật chất cho con.

Mặt khác, ông P làm nghề nhôm kính, chuyên làm đồ nhôm kính cho các công trình xây dựng tại thôn và xã. Ngoài ra ông P còn làm nông tại nhà như

trồng cà phê, tiêu và cao su với thu nhập bình quân khoảng 18.000.000 đồng/tháng, có xác nhận của chính quyền địa phương Ban tự quản thôn 4 Cư Elang, xã Ea Ô và Ủy ban nhân dân xã Ea Ô. Ngoài ra, ông P vẫn có thời gian chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, ông P có đầy đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để đảm bảo cho việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như đảm bảo về vật chất và tinh thần, cũng như sự phát triển toàn diện của con chưa thành niên. HĐXX, căn cứ vào khoản 2 khoản 3 Điều 81 của LHNGĐ, cần giao con chung Phương Quỳnh N, sinh ngày 03/7/2022 cho ông Phương Văn P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phương Văn P không yêu cầu bà La Thị T phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Phương Văn P là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà La Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 147, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phương Văn P.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phương Văn P và bà La Thị T.

- Về con chung: Giao con chung Phương Quỳnh N, sinh ngày 03/7/2022 cho ông Phương Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phương Văn P không yêu cầu bà La Thị T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông Phương Văn P không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phương Văn P được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà La Thị T phải chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- UBND xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Cường Anh